

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 01 Trần Phú, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056) 3822 294 – 3822 909 Fax: (056) 3822 057



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

CÔNG TY TNHH MTV

CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM

Website: www.bvsc.com.vn

Bình Định, tháng 11 năm 2014



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ.....	4
1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định	4
2. Những người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin	4
2.1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá	4
2.2. Tổ chức phát hành.....	4
2.3. Tổ chức tư vấn	5
3. Các thuật ngữ viết tắt	5
PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	6
1. Giới thiệu về Công ty.....	6
2. Ngành nghề kinh doanh	6
3. Quá trình hình thành và phát triển	7
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	7
5. Cơ cấu quản lý và tổ chức.....	8
6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa.....	10
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	10
8. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành	19
9. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm (2011-2013) trước khi cổ phần hóa	19
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	27
1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	27
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá	49
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	51
4. Rủi ro dự kiến	52
PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	56
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần	56
2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá.....	58
3. Kết luận.....	59



CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 4100258955 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/7/2010, lần 2 ngày 26/3/2012)

CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phần:	CỔ PHẦN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng / 1 cổ phần
Giá khởi điểm:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần bán đấu giá:	3.803.488 cổ phần
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Phương thức chào bán:	Đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định
Tổ chức bán đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh



tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, giá trị doanh nghiệp và triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định.

2.3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Ông Võ Hữu Tuấn - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh

Ông Nguyễn Văn Khánh - Trưởng phòng tư vấn chi nhánh Tp.HCM

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định cung cấp nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

3. Các thuật ngữ viết tắt

Tổ chức phát hành: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định (Binhdinhwaco)

Tổ chức tư vấn đầu giá: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (là công ty sau khi chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định thành công ty cổ phần)

UBND: Ủy ban Nhân dân

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

MTV: Một thành viên

CTCP: Công ty cổ phần

HĐTV: Hội đồng thành viên

CPH: Cổ phần hóa

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

BCTC: Báo cáo tài chính

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

TSCĐ: Tài sản cố định

HĐ: Hợp đồng

ROS: Tỷ suất lợi nhuận ròng

ROA: Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản



ROE: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

PHẦN II: TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA**1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
- Tên tiếng Anh: BINH DINH WATER SUPPLY AND DRAINAGE ONE MEMBER STATE-OWNED LIMITED COMPANY
- Tên giao dịch/viết tắt: BINHDINH WASUDRACO
- Vốn điều lệ : 68.719.128.473 (*Sáu mươi tám tỷ bảy trăm mười chín triệu một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*)
- Trụ sở chính: Số 146, đường Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (056) 3747 306
- Fax: (056) 3847 843
- Biểu tượng:



- Website: binhdinhwaco.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258955 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/7/2010, lần 2 ngày 26/3/2012.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600
2	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn; Hút và xử lý chất thải bề phốt hầm cầu	3900
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án và thiết kế công trình cấp thoát nước	7110
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công xây lắp và sửa chữa công trình cấp thoát nước	4322
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước	4669
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước	
-------------------------------------	--

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tiền thân là Nhà máy nước Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1099/QĐ-TC ngày 23/12/1976 của UBND tỉnh Nghĩa Bình;

- Ngày 28/12/1992 được đổi thành Công ty Cấp nước Bình Định theo Quyết định số 2611/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước.
- Ngày 23/9/1996 được đổi thành Công ty cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 2312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên cho Công ty Cấp nước Bình Định.
- Ngày 01/7/2010 được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên.

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các khách hàng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và khu vực thị xã Bình Định, 8 thị trấn: Tuy Phước, Đập Đá, Gò Găng, Ngô Mây, Bình Dương, Bồng Sơn, Tăng Bạt Hổ, Tam Quan. Ngoài ra, công ty còn triển khai hoạt động duy trì hệ thống thoát nước, kinh doanh vật tư.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH





5. Cơ cấu quản lý và tổ chức

5.1 Cơ cấu tổ chức trước khi cổ phần hóa

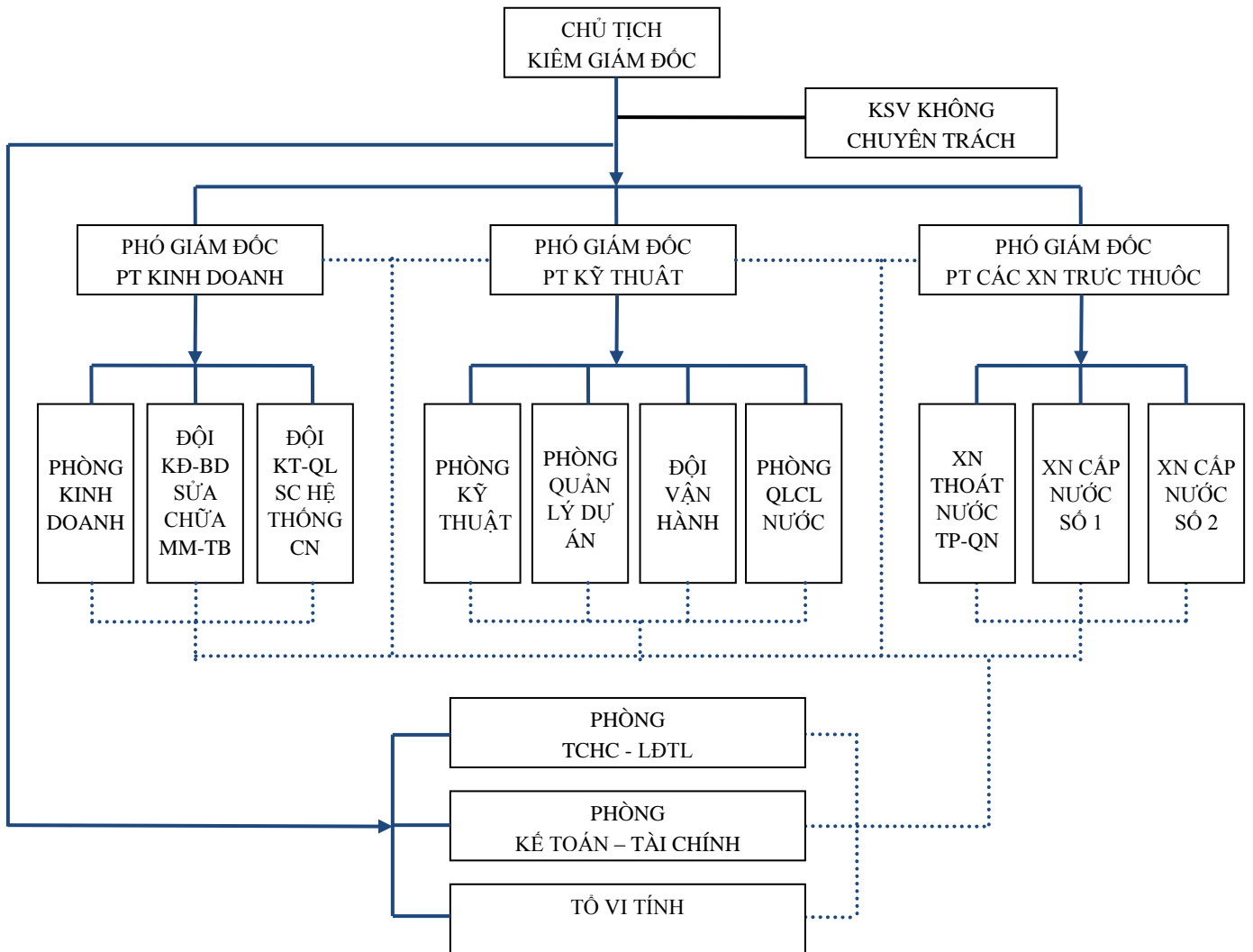
Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.

Bộ máy tổ chức quản lý Công ty bao gồm:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.
- Kiểm soát viên không chuyên trách.
- Ban điều hành Công ty gồm: 01 Giám đốc Công ty, 03 Phó Giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng Công ty.
- Bộ máy quản lý bao gồm 06 phòng chuyên môn, 03 Xí nghiệp trực thuộc, 03 Đội sản xuất và 01 Tổ.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH



Chú thích:

- Chỉ đạo trực tiếp
-→ Quan hệ trao đổi
- Kiểm soát



5.2 Người lao động

Tính đến thời điểm cổ phần hóa, tổng số lao động tại Công ty là 423 người, được phân loại như sau:

Stt	Khoản mục	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Theo chức năng quản lý			
1	Ban Giám đốc	4	0,95%
2	Lãnh đạo phòng ban, Phân xưởng	33	7,80%
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng, phát triển kinh doanh	82	19,38%
4	Công nhân	276	65,25%
5	Tạp vụ, Bảo vệ, tài xế, kho	28	6,62%
Phân theo trình độ			
1	Trên đại học	2	0,47%
2	Đại học	98	23,17%
3	Trung cấp, Cao đẳng	7	1,65%
4	Khác	316	74,71%
Loại hợp đồng			
1	Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	5	1,18%
2	Hợp đồng không kỳ hạn	246	58,15%
3	Thời hạn từ 1-3 năm	163	38,54%
4	Hợp đồng thời vụ	9	2,13%
Tổng cộng		423	

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 là: 423.418.420.723 đồng (Bốn trăm hai mươi ba tỷ, bốn trăm mười tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng).

Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty là: 124.107.848.432 đồng (Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm lẻ bảy triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng) được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	359.078.553.142	423.418.420.723	64.339.867.581
I. Tài sản dài hạn	309.288.842.290	373.030.194.297	63.741.352.007
1. Tài sản cố định	295.444.716.982	359.186.068.989	63.741.352.007
1.1. TSCĐ hữu hình	295.002.302.884	358.743.654.891	63.741.352.007



Chỉ tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh	295.002.302.884	358.743.654.891	63.741.352.007
1.2. Tài sản vô hình	-	-	-
1.3. Chi phí XDCB dở dang	442.414.098	442.414.098	-
2. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	13.844.125.308	13.844.125.308	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	13.844.125.308	13.844.125.308	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	49.789.710.852	50.388.226.426	598.515.574
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	15.486.011.487	15.486.013.563	2.076
- Tiền	3.412.547.535	3.412.549.611	2.076
- Các khoản tương đương tiền	12.073.463.952	12.073.463.952	-
2. Các khoản phải thu	12.074.723.399	12.074.723.399	-
- Phải thu khách hàng	10.489.985.172	10.489.985.172	-
- Trả trước cho người bán	258.555.000	258.555.000	-
- Các khoản phải thu khác	1.326.183.227	1.326.183.227	-
3. Hàng tồn kho	18.456.143.106	18.456.143.106	-
- Hàng tồn kho	18.456.143.106	18.456.143.106	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	3.772.832.860	4.371.346.358	598.513.498
- Chi phí trả trước ngắn hạn	561.364.115	1.159.877.613	598.513.498
- Tài sản ngắn hạn khác	3.211.468.745	3.211.468.745	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG (Căn cứ công văn số 3018/UBND-TH ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh Bình Định)	80.410.786.837	80.410.786.837	-
I. Tài sản cố định	80.410.786.837	80.410.786.837	-
- Máy móc thiết bị	1.665.813.160	1.665.813.160	-
- Phương tiện vận tải	10.106.540.072	10.106.540.072	-
- Hệ thống thoát nước	68.638.433.605	68.638.433.605	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	439.489.339.979	503.829.207.560	64.339.867.581
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (A)	359.078.553.142	423.418.420.723	64.339.867.581
E1. Nợ thực tế phải trả	294.633.026.199	294.633.026.199	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	4.677.546.092	4.677.546.092	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	59.767.980.851	124.107.848.432	64.339.867.581

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty tại thời điểm 31/12/2013 do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam phát hành và Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Bình Định)



7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1 Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	442.345.366.146	295.444.716.982	
1	TSCĐ hữu hình	442.345.366.146	295.444.716.982	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	45.662.476.256	28.126.212.669	61,60
	Máy móc thiết bị	20.347.507.295	9.626.573.687	47,31
	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	374.609.911.206	256.384.659.197	68,44
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.692.799.389	848.180.998	50,11
	TSCĐ khác	32.672.000	16.676.333	51,04
	Chi phí XDCB dở dang	0	442.414.098	
2	Tài sản vô hình	0	0	
B	TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	80.410.786.837	80.410.786.837	
1	Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động thoát nước công ích	1.665.813.160	1.665.813.160	
2	Phương tiện vận tải phục vụ hoạt động thoát nước công ích	10.106.540.072	10.106.540.072	
3	Hệ thống thoát nước	68.638.433.605	68.638.433.605	
4	Tài sản khác	0	0	
	TỔNG CỘNG	522.756.152.983	375.855.503.819	

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

7.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng

Diện tích đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng là 233.534,83 m², trong đó: đất giao không thu tiền sử dụng đất có diện tích 231.826,60 m², còn lại 1.708,23 m² đất thuê.

Toàn bộ diện tích đất Công ty đang sử dụng đều được chuyển sang Công ty cổ phần sử dụng, cụ thể như sau:



STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần phần hóa
1.	Khu vực 3, phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn	14.472,00	Khu tăng áp và xử lý mở rộng, xây dựng 2 bể chứa 3.000m ³ và văn phòng làm việc	Giao đất không thu tiền SDD
2.	Phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	1.708,23	Xây dựng văn phòng làm việc	Thuê đất
3.	Thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.760,10	Xây dựng giếng bơm TA14	Giao đất không thu tiền SDD
4.	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	1.800,00	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G6	Giao đất không thu tiền SDD
5.	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	1.704,00	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G8	Giao đất không thu tiền SDD
6.	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	2.700,00	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G7	Giao đất không thu tiền SDD
7.	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	3.600,00	Làm giếng bơm và hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G11	Giao đất không thu tiền SDD
8.	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	1.499,00	Làm giếng bơm và hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G7B	Giao đất không thu tiền SDD
9.	Xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	5.160,00	Làm giếng bơm và hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G2+G2B	Giao đất không thu tiền SDD
10.	Xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	915,00	Làm giếng bơm và hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G3	Giao đất không thu tiền SDD



STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần phần hóa
11.	Xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	7.902,00	Làm giếng bơm và hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G3B	Giao đất không thu tiền SDD
12.	Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	2.470,00	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G9	Giao đất không thu tiền SDD
13.	Thô Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	6.188,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
14.	Thôn Vận Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	668,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
15.	Thôn Vận Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	2.769,50	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
16.	Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	2.550,00	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước ngầm giếng G10	Giao đất không thu tiền SDD
17.	Khu vực Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.735,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
18.	Khu vực Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	1.594,30	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
19.	Khu vực Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	6.000,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD



STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
	Bình Định			
20.	Khu vực Kim Bằng, thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	8.437,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước và giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
21.	Khu vực Kim Bằng, thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	6.907,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước và giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
22.	Thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	3.734,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
23.	Thôn Lý Tây, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	1.244,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
24.	Thôn Phú Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.655,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
25.	Thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	496,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
26.	Thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	1.036,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
27.	Thôn Châu Thành, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.792,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD



STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần phần hóa
	Định			
28.	Khu An Phong, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	5.802,50	Xây dựng trạm bơm và bể chứa nước	Giao đất không thu tiền SDD
29.	Thôn Dương Liễu Đông, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	4.179,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
30.	Thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	1.088,00	Xây dựng giếng bơm nước ngầm BD1	Giao đất không thu tiền SDD
31.	Thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	436,00	Xây dựng giếng bơm nước ngầm BD1	Giao đất không thu tiền SDD
32.	Thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	1.785,00	Xây dựng giếng bơm nước ngầm BD1	Giao đất không thu tiền SDD
33.	Thôn Trung Lương, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	15.366,00	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
34.	Khối Phụ Đức, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	16.199,10	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
35.	Khối 3, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	2.623,00	Xây dựng Trạm bơm tăng áp	Giao đất không thu tiền SDD



STT	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần phần hóa
36.	Thôn Đức Long, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	10.537,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
37.	Thôn Gia Chiểu 1, thị trấn tăng Bạt HỔ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	3.086,60	Xây dựng Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
38.	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	13.253,00	Xây dựng Trạm bơm nước và Trạm xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
39.	Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	6.362,00	Bể điều áp 3.000m ³	Giao đất không thu tiền SDD
40.	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	20.840,00	Nhà máy xử lý nước	Giao đất không thu tiền SDD
41.	Thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	4.293,90	Xây dựng giếng bơm TA15	Giao đất không thu tiền SDD
42.	Thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.902,00	Xây dựng giếng bơm TA17B	Giao đất không thu tiền SDD
43.	Thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.833,40	Xây dựng giếng bơm TA15B	Giao đất không thu tiền SDD
44.	Thôn Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	2.431,30	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
45.	Thôn Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện	2.131,00	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD



STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
	An Nhơn, tỉnh Bình Định			
46.	Thôn Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	1.541,30	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
47.	Thôn Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	3.191,40	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
48.	Thôn Kim Châu, thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	6.490,10	Xây dựng giếng bơm	Giao đất không thu tiền SDD
49.	Xã Phước Mỹ	300,00	Xây dựng Trạm bơm Long Mỹ	Giao đất không thu tiền SDD
50.	Xã Nhơn Hội	7.979,00	Xây dựng Trạm bơm tăng áp cấp nước Nhơn Hội	Giao đất không thu tiền SDD
51.	Xã Nhơn Hội	819,60	Xây dựng Trạm bơm tăng áp cấp nước Nhơn Phước	Giao đất không thu tiền SDD
52.	Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	318,50	Xây dựng Trạm bơm tăng áp	Giao đất không thu tiền SDD
53.	Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	250,00	Xây dựng Trạm bơm điều áp	Giao đất không thu tiền SDD
	Tổng cộng	233.534,83		

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

**8. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành****8.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành:**

Tên tổ chức: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Trần Phú, Phường Trần Phú, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

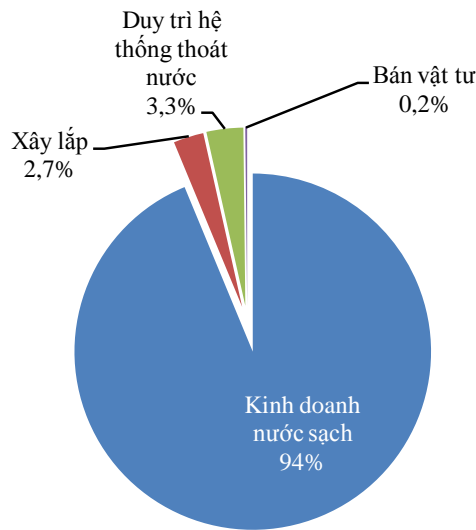
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty: 100%

8.2 Danh sách Công ty con, liên kết của tổ chức phát hành: Không có**9. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từ năm 2011 đến khi cổ phần hóa****9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh**

KHOẢN MỤC	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng đầu năm 2014
I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH					
1.Sản lượng sản xuất nước	m ³	14.955.272	16.135.450	16.870.930	13.863.297
2.Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	11.605.603	12.761.449	13.601.855	11.320.627
II. DOANH THU	Đồng	83.019.366.755	94.546.493.087	103.615.035.829	72.377.684.021
1.Doanh thu từ hoạt động SX-KD nước sạch	đồng	57.029.019.102	69.585.528.173	78.265.405.128	67.333.066.733
2.Doanh thu từ hoạt động xây lắp và hút bể phốt hầm cầu	đồng	6.754.235.548	2.684.973.464	4.567.509.137	1.967.338.265
3.Doanh thu từ hoạt động duy trì hệ thống thoát nước	đồng	13.525.855.203	19.304.717.999	20.030.143.508	2.394.277.454
4.Doanh thu từ hoạt động nhượng bán vật tư	đồng	577.731.763	136.911.815	117.465.205	125.791.624
5.Doanh thu từ hoạt động tài chính	đồng	4.409.787.567	1.946.093.590	397.436.946	352.386.018
6. Doanh thu khác	đồng	722.737.572	888.268.046	237.075.905	204.823.927

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

Kinh doanh nước sạch chiếm 94% doanh thu doanh thu 9 tháng đầu năm 2014



Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

a. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu 2014	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
Tổng doanh thu - TDT (*)	83.019	100,0%	94.546	100,0%	103.615	100,0%	72.378	100,0%
Giá vốn hàng bán	61.321	73,9%	75.077	79,4%	75.176	72,6%	51.577	71,3%
Chi phí bán hàng	-	0,0%	-	0,0%	4.772	4,6%	4.683	6,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.202	8,7%	7.718	8,2%	11.184	10,8%	7.576	10,5%
Chi phí tài chính	7.634	9,2%	7.367	7,8%	7.299	7,0%	4.729	6,5%
Chi phí khác	140	0,2%	48	0,1%	99	0,1%	-	0,0%
Tổng chi phí	76.297	91,9%	90.210	95,4%	98.530	95,1%	68.565	94,7%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

() Tổng doanh thu = Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh + Doanh thu từ hoạt động tài chính + Doanh thu từ hoạt động khác.*

b. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là nước tự nhiên



(nước thô), điện, hóa chất...; một số ít là xi măng, sắt thép để gia công, sửa chữa các tấm đan phục vụ cho công tác duy trì, sửa chữa hệ thống thoát nước.

Giá nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

Do Công ty hoạt động trong ngành cấp thoát nước, nên cơ cấu chi phí của Công ty chủ yếu là chi phí về khấu hao TSCĐ, nhân công, điện, hóa chất, nguyên nhiên liệu, vật tư ngành cấp thoát nước.

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy Công ty cần chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh, tăng doanh thu, lợi nhuận.

c. Tình hình kiểm tra chất lượng

Công ty luôn tổ chức công việc có sự phối hợp hài hòa, nhịp nhàng giữa các bộ phận, phòng ban nhằm đảm bảo sự an toàn, hài lòng đối với khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ.

d. Hoạt động Marketing

Công ty đang từng bước cải thiện trang thông tin điện tử của Công ty để khách hàng và nhà đầu tư tiếp cận, tìm hiểu thông tin về Công ty, từng bước nâng cao tính minh bạch trong hoạt động.

e. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có

f. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

STT	Số Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	10/2011/HĐTCXD	27/05/2011	Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Phù Cát	864.144.000	
2	20/2012/HĐ-XD	16/07/2012	Trung tâm phát triển quỹ đất tp Quy Nhơn	514.451.000	
3	158/2011/HĐXD	20/04/2011		1.345.764.000	
4	70/2013/HĐXD	31/07/2013	Ban QLDA GPMB	1.967.375.000	



STT	Số Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Giá trị (đồng)	Ghi chú
5	83/2013/HĐ-XD	12/09/2013	và Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định	337.882.000	
6	84/2013/HĐ-XD	12/09/2013		4.393.496.000	
7	105/2013/HĐ-XD	07/11/2013		1.497.731.000	
8	107/2013/HĐ-XD	25/11/2013		4.957.554.000	
9	01/2014/HĐ-NT	14/07/2014	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hoài Nhơn	1.673.799.000	
10	49/2013/HĐ-XD	30/12/2013	BQLDA Công trình giao thông Bình Định	1.292.328.000	
11	57/2014/HĐXD	22/10/2014		3.573.794.000	
12	58/2014/HĐXD	22/10/2014		4.076.035.000	
13	59/2014/HĐXD	22/10/2014		4.699.474.000	
14	60/2014/HĐXD	22/10/2014		2.050.076.000	
15	23/2014/HĐ-XD	30/10/2014	Ban QLDA ĐT & XD Quy Nhơn	1.618.036.000	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

9.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

- Một số chỉ tiêu tổng hợp từ 2011 đến nay:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng đầu năm 2014
1	Tổng tài sản	400.138	419.507	439.489	480.096
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	94.878	109.455	132.115	184.637
3	Nợ phải trả	305.260	310.052	307.375	295.459
3.1	Nợ ngắn hạn	33.191	32.786	39.391	27.476
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-	-
3.2	Nợ dài hạn	272.069	277.267	267.983	267.983
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-	-
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.830	8.908	12.075	14.528
4.1	Trong đó: nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-
5	Tổng số lao động (người)	478	351	354	426
6	Tổng quỹ lương	20.561	23.421	24.985	18.418
7	Thu nhập bình quân 1 người/tháng (triệu đồng/người/tháng)	3,58	5,56	5,88	3,60



TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng đầu năm 2014
8	Tổng doanh thu	83.019	94.546	103.615	72.378
8.1	<i>Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	77.887	91.712	102.981	71.820
8.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	4.410	1.946	397	352
8.3	<i>Doanh thu từ hoạt động khác</i>	723	888	237	205
9	Tổng chi phí	(76.298)	(90.210)	(98.530)	(68.565)
10	Lợi nhuận trước thuế	6.722	4.336	5.085	3.813
11	Lợi nhuận sau thuế	5.041	3.252	3.814	2.974
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%)	5,3%	3,0%	2,9%	1,6%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

9.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của UBND tỉnh Bình Định, các Sở, ngành và chính quyền địa phương các cấp.
- Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp thoát nước như xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy, mạng lưới cấp thoát nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, duy trì hệ thống thoát nước Tp.Quy Nhơn,...
- Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có công ty khác cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước sạch mang tính ổn định cao.
- Một số CBCNV Công ty đã tham gia các dự án: “Đào tạo nâng cao năng lực cho các công ty cấp thoát nước khu vực Miền Trung-Việt Nam” do Chính phủ Nhật tài trợ, “Kế hoạch cấp nước an toàn” do tổ chức Y tế thế giới (WHO) phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức,... nên đã nâng cao năng lực quản lý và vận hành cấp nước cho Công ty.

Khó khăn:

- Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm, việc đầu tư mở rộng các dự án, mạng lưới cấp nước còn nhiều khó khăn do nguồn vốn đầu tư của công ty bị hạn chế.
- Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện,...



tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng nặng nề đến chất và lượng nguồn nước Công ty khai thác để sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt cho khách hàng;

- Sản phẩm, dịch vụ cấp, thoát nước đô thị theo quy định là sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với sản phẩm chính của Công ty là dịch vụ cấp nước, theo quy định của Nhà nước: Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để đơn vị cấp nước duy trì và phát triển. Tuy nhiên hiện nay giá tiêu thụ nước sạch của Công ty chưa được xác lập như quy định, mặc dù đã được ngân sách nhà nước trợ giá 2 tỉ đồng/năm (giai đoạn 2013-2014). Vì vậy, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1 Vị thế của Công ty

- Việt Nam hiện có 68 công ty cấp nước, thực hiện cung cấp nước sạch cho các khu vực đô thị. Toàn ngành có hơn 420 hệ thống cấp nước với tổng công suất thiết kế đạt 5,9 triệu m³/ngày. Công suất hoạt động cấp nước đạt nước 4,5 triệu m³/ngày, tương đương 77% công suất thiết kế (theo ADB, 2010, Bộ Xây dựng 2009).
- Sản lượng sản xuất bình quân của Công ty đạt 48.124 m³/ngày, tương đương khoảng 1,1% sản lượng sản xuất toàn ngành.

Một vài chỉ tiêu tài chính năm 2012 và 2013 của Binhdinhwaco với một số công ty trong cùng ngành

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	BDW		CLW		NNT		QNWD		BWAC	
	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012
Tổng tài sản	439,5	419,5	335,5	322,8	348,9	332,4	776,6	673,5	410,2	365,6
Tài sản ngắn hạn	49,8	41,6	92,8	89,4	151	142,7	422,9	404	114,2	77,7
Tài sản dài hạn	389,7	377,9	242,7	233,4	197,9	189,7	353,7	269,5	296	287,8
Nợ phải trả	307,4	310,1	137,1	136,6	275,7	270,8	503,3	421,8	100,5	116,2
Vốn chủ sở hữu	132,1	109,5	198,5	186,2	73,1	61,6	273,3	251,7	309,7	249,4
Doanh thu thuần	103,0	91,7	752,1	650,4	78,2	67,9	82,2	58,3	357,3	348,9
Lãi gộp	27,8	16,6	63,4	57,2	26,8	15,6	17,4	16	137,7	106,1
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	4,9	3,5	37,1	35,5	12,2	3,2	22,9	21,6	95,49	95,3
Thu nhập khác, ròng	0,1	0,8	7,2	1,9	0,2	8	0,101	0,7	0,68	0,2
Lợi nhuận trước thuế	5,1	4,3	44,3	37,4	12,3	11,2	22,973	22,3	96,17	95,5



Khoản mục	BDW		CLW		NNT		QNWD		BWAC	
	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012
Lợi nhuận sau thuế	3,8	3,3	34,9	28	9,3	10,7	20,3	19,8	73,1	73,3
ROS	3,7%	3,5%	4,6%	4,3%	11,9%	15,8%	24,7%	34,0%	20,5%	21,0%
ROA	0,9%	0,8%	10,4%	8,7%	2,7%	3,2%	2,6%	2,9%	17,8%	20,0%
ROE	2,9%	3,0%	17,6%	15,0%	12,7%	17,4%	7,4%	7,9%	23,6%	29,4%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2012 và 2013 của các công ty: Công ty TNHH Cấp thoát nước Bình Định (BDW), Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn – CLW, Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – NNT, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam – QNWD, Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu – BWAC)

- Nhìn chung, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định chưa cao trong 2 năm trước cổ phần hóa. Các chỉ tiêu thể hiện khả năng sinh lời (thông qua chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận ròng – ROS), hiệu quả sử dụng tài sản (thông qua chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản – ROA) và vốn chủ sở hữu (thông qua chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu – ROE) của Công ty đều thấp tương đối so với các công ty hoạt động cùng ngành.

Trong giai đoạn sau cổ phần hóa, với sự chuyển đổi mô hình hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ từng bước được cải thiện và đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông.

10.2 Triển vọng phát triển của ngành

- Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm sản xuất ra được khách hàng sử dụng ngay. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất-kinh doanh.
- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chất lượng phục vụ các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.
- Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu với tất cả mọi người, mọi ngành, khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà thế giới, trong nước và người dân rất quan tâm. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển ngành sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty là rất lớn.

10.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng của thế giới



- Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929), mục tiêu đạt được đến năm 2025 là đáp ứng 100% nhu cầu dùng nước, định mức sử dụng nước là 120 lít/người/ngày và giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống còn 15% (từ mức bình quân 25%-30% vào năm 2015).
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Định theo quy hoạch cấp nước và định hướng phát triển ngành theo Quyết định 1929, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của Thành phố Quy Nhơn và trung tâm các thị xã, huyện của tỉnh. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Định đến năm 2020, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

**PHẦN III: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA****1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa****1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CP CTN BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **BINH DINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **BIDIWASSCO**
- Trụ sở chính: **Số 146, đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**
- Điện thoại: **(056) 3747.306** - Fax: **(056) 3847.843**
- Website: **www.binhdinhwaco.com.vn**

1.2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được thông qua ngày 29/11/2005.

1.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định vẫn duy trì hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600
2	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn; Hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu	3900
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, giám sát, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	7110
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công xây lắp và sửa chữa công trình cấp thoát nước	4322
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước	4669



STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước	7120
7	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11041
8	Sản xuất nước đá	35302
9	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công trình dân dụng, công nghiệp công trình hạ tầng kỹ thuật	42900

1.4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

- **Đại Hội đồng cổ đông:** đây là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền.
- **Hội đồng quản trị:** Số lượng Hội đồng quản trị 05 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.
- **Ban kiểm soát:** Số lượng Ban kiểm soát 03 người, nhiệm kỳ 05 năm.
- **Ban Giám đốc:** 01 Giám đốc và 03 Phó Giám Đốc.
- **Kế toán trưởng:** 01 người

Các phòng ban nghiệp vụ:

- 07 Phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính-Lao động tiền lương, Phòng Kế toán-Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Quản lý dự án, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng nước và Phòng Vi tính;

- 03 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cấp nước số 1, Xí nghiệp Cấp nước số 2; và Xí nghiệp thoát nước TP Quy Nhơn;

- 04 Đội sản xuất: Đội Xây dựng-Xây lắp hệ thống cấp nước, Đội Vận hành bơm;, Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước và Đội Kiểm định-Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị;



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:

Phòng Kỹ thuật:

Chức năng

- Quản lý kỹ thuật toàn bộ hệ thống cấp thoát nước của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và phân phối nước sạch phục vụ khách hàng;
- Cung ứng vật tư, thiết bị và văn phòng phẩm thực hiện nhiệm vụ SX-KD và nhiệm vụ công ích.

Nhiệm vụ

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Thực hiện Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 22/02/2011;
- Quản lý kỹ thuật toàn bộ hệ thống cấp nước TP-Quy Nhơn; hệ thống điện và các Trạm bơm toàn Công ty phục vụ SX-KD và nhiệm vụ công ích của Công ty;
- Lập thiết kế dự toán các công trình cấp nước theo kế hoạch Công ty giao;
- Kiểm tra, giám sát thi công lắp mới, sửa chữa cải tạo các hạng mục của hệ thống cấp nước, súc xả các tuyến ống cấp nước theo đúng quy phạm kỹ thuật và quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình;
- Phối hợp nghiệm thu khối lượng thi công xây lắp hệ thống cấp nước đã hoàn thành của các Xí nghiệp trực thuộc để phòng Kế toán-Tài chính làm thủ tục quyết toán.
- Lập kế hoạch:
 - + Kiểm tra, sửa chữa, thay thế những đoạn ống cấp nước và các thiết bị hư hỏng trên mạng đường ống cấp nước;
 - + Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, thiết bị điện (sau trạm hạ thế) của tất cả các Trạm bơm và thổi rửa các giếng nước ngầm;
 - + Vận hành bơm đảm bảo công suất cấp nước và tiết kiệm điện theo từng mùa trong năm.
- Xây dựng, kiểm tra quy trình vận hành các Trạm bơm trong hệ thống cấp nước;
- Kết hợp với phòng TCHC-LĐTL và phòng KT-TC xây dựng định mức vật tư, nhiên liệu và đơn giá khoán sản phẩm cho các Đội sản xuất;
- Phối hợp với phòng TCHC-LĐTL kiểm tra việc vi phạm hệ thống đường ống cấp thoát nước;



- Cung ứng vật tư, nhiên liệu phục vụ cho công tác thi công xây lắp công trình cấp thoát nước và cung ứng văn phòng phẩm cho toàn Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính – Lao động tiền lương (TCHC-LĐTL):

Chức năng

- Tổ chức-Lao động;
- Lao động tiền lương;
- Hành chính;
- An ninh chính trị, bảo vệ nội bộ.

Nhiệm vụ

Công tác Tổ chức-Lao động:

- Dự báo nhu cầu sử dụng lao động của toàn Công ty theo từng thời kỳ để có kế hoạch tuyển dụng;
- Tổ chức thi tuyển để chọn lựa những ứng viên đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu SX-KD và thực hiện nhiệm vụ công ích;
- Theo dõi, quản lý và chuẩn bị các điều kiện pháp lý để ký Hợp đồng lao động toàn Công ty;
- Thực hiện chế độ chính sách khen thưởng, kỷ luật;
- Tham mưu cho Giám đốc trong việc sắp xếp và điều động nhân sự theo yêu cầu SX-KD và hoạt động công ích của Công ty từng năm, từng thời kỳ;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo CBCNV đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ SX-KD và nhiệm vụ công ích theo từng giai đoạn phát triển của Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động đúng quy định Nhà nước và Quy chế của Công ty;
- Tổ chức thi bậc thợ, nâng bậc lương, bổ túc, tập huấn, nâng cao tay nghề và trình độ cho CBCNV;
- Theo dõi, xây dựng, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các Nội quy, Quy chế, Quy định của toàn Công ty;
- Quản lý hồ sơ CBCNV trong toàn Công ty theo quy định của Nhà nước.

Công tác lao động:

- Xây dựng và trình lãnh đạo Công ty ban hành các chính sách về lao động của Công ty trên cơ sở Bộ Luật lao động, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các văn bản pháp luật khác về lao động;
- Kiểm tra năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động của các Phòng nghiệp vụ, Tổ, Đội sản xuất và Xí nghiệp trực thuộc;



- Xây dựng định mức lao động, kế hoạch sử dụng lao động toàn Công ty hàng năm;
- Phối hợp cùng Tổ Kiểm tra Quy chế quản lý hệ thống CTN thuộc Đội Kiểm tra Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước để kiểm tra chấp hành Nội quy lao động, chấp hành các Quy chế của Công ty;
- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động hàng năm, Quy chế về an toàn lao động, Quy định về sử dụng trang bị BHLĐ trong toàn Công ty;
- Kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động toàn Công ty;
- Giải quyết các chế độ, chính sách về lao động theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra việc thực hiện công tác vệ sinh, an toàn lao động nơi làm việc của văn phòng Công ty, các Trạm bơm;
- Thường xuyên kiểm tra đồng phục của CBCNV.

Công tác tiền lương:

- Xây dựng đơn giá tiền lương hàng năm của toàn Công ty theo quy định của Nhà nước;
- Xây dựng và kiểm tra việc thực hiện Quy chế trả lương cho từng bộ phận và toàn Công ty trên cơ sở Bộ Luật lao động, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các văn bản pháp luật khác về tiền lương, tiền công;
- Thanh toán các khoản thu nhập cho CBCNV theo quy định của Nhà nước và quy định của Công ty;
- Theo dõi và xét nâng lương cho CBCNV toàn Công ty;
- Thanh toán tiền lương hàng tháng, quý, năm cho CBCNV theo quy định của Nhà nước và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương còn lại của Công ty. Kiểm tra và điều chỉnh việc chấm điểm mức độ phức tạp, tính trách nhiệm công việc của CBCNV;
- Theo dõi, ghi chép và bảo quản sổ BHXH của CBCNV Công ty, Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2 theo đúng quy định của Nhà nước; Thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ phép, thai sản, ốm đau, thăm nuôi, chăm lo đời sống cho CBCNV toàn Công ty ngày lễ, Tết.

Công tác Hành chính:

- Nhận đơn đề nghị lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt, đấu nối vào hệ thống thoát nước;
- Chuẩn bị công tác hành chính, lễ tân cho các cuộc hội họp, lễ Tết;
- Kiểm tra, phát hiện những hư hỏng, xuống cấp của văn phòng làm việc, nhà trạm, Trạm bơm và đề nghị sửa chữa kịp thời;



- Kết hợp cùng phòng Kỹ thuật, phòng Quản lý chất lượng nước, Đội Vận hành, Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2 thường xuyên kiểm tra vệ sinh an ninh nguồn nước của Trạm bơm giếng, Nhà máy XLN Phú Tài, các Nhà máy XLN tại 09 thị trấn và kiểm tra việc vi phạm hệ thống đường ống cấp thoát nước;
- Nhận, chuyển công văn giấy tờ và bảo quản, sử dụng khuôn dấu theo quy định của Nhà nước và Quy chế công tác văn thư-lưu trữ của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định;
- Soạn thảo, đánh máy, lưu trữ hồ sơ tài liệu, các Biên bản cuộc họp tháng, quý, năm, Biên bản họp Hội đồng Công ty và các văn bản, giấy tờ khác.

Công tác bảo vệ, an ninh chính trị nội bộ:

- Tổ chức phân công và kiểm tra công tác bảo vệ, công tác an ninh trật tự tại văn phòng làm việc, các bể chứa nước và tài sản khác của Công ty;
- Lập kế hoạch và kiểm tra công tác phòng chống bão lụt hàng năm.

Phòng Kế toán-Tài chính:

Chức năng

- Giúp Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác kế toán-tài chính.

Nhiệm vụ

- Thực hiện nghiêm túc Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng Quy chế tài chính của Công ty trình Giám đốc Công ty phê duyệt và tổ chức, giám sát việc thực hiện quy chế sau khi được phê duyệt;
- Xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty, kiểm tra và hướng dẫn các bộ phận thực hiện kế hoạch tài chính;
- Tổng hợp phân tích tình hình tài chính của Công ty từng tháng, quý, năm báo cáo Giám đốc kịp thời để có biện pháp chỉ đạo công tác SX-KD toàn Công ty và nhiệm vụ công ích;
- Tổ chức, thực hiện công tác kế toán tài chính trong toàn Công ty;



- Hạch toán kinh tế toàn bộ hoạt động SX-KD và nhiệm vụ công ích của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước;
- Kiểm tra các điều kiện của khách hàng để tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch, hợp đồng dịch vụ thoát nước giữa Công ty và khách hàng;
- Thường xuyên kiểm tra hoá đơn chứng từ, thực hiện thu chi theo đúng quy định;
- Bảo quản và lưu giữ các hoá đơn, chứng từ, tài liệu kế toán theo quy định Nhà nước. Phối hợp với các bộ phận khác thực hiện công tác kiểm kê đánh giá tài sản của Công ty hàng năm theo quy định Nhà nước;
- Thực hiện chế độ Báo cáo thuế hàng tháng, quý, năm theo hướng dẫn của Cục thuế; Thực hiện việc nộp thuế và các khoản phải nộp khác phát sinh tại Công ty; Lập Báo cáo tài chính hàng năm theo hướng dẫn của Sở Tài chính;
- Quản lý Hợp đồng kinh tế, quản lý tài sản cố định, vật tư thiết bị, công cụ, dụng cụ SX-KD;
- Thực hiện việc thanh, quyết toán công trình; Theo dõi và thu hồi các khoản nợ;
- Quản lý, cất giữ và bảo quản vật tư, hàng hoá, kho, quỹ theo đúng quy định của Nhà nước;
- Giao bảng dự toán-thiết kế lắp đặt hệ thống cấp nước cho khách hàng khi phòng Kỹ thuật chuyển sang;
- Kết hợp với phòng TCHC-LĐTL và phòng Kỹ thuật xây dựng đơn giá khoán sản phẩm cho các Đội sản xuất.

Phòng Kinh doanh:

Chức năng

- Công tác quản lý khách hàng;
- Công tác ghi thu chi số đồng hồ nước.

Nhiệm vụ

Công tác quản lý khách hàng:

- Giúp Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác quản lý khách hàng, tổng hợp số liệu chuẩn thu, phát hành hoá đơn thu tiền nước. Giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tiêu thụ nước của khách hàng;
- Mọi thành viên trong phòng phải có phong cách phục vụ khách hàng tốt. Các kiến nghị, đề nghị, thắc mắc của khách hàng liên quan đến việc lắp đặt, thay thế vật tư, sử dụng nước, kiểm định đồng hồ phải được giải quyết thoả đáng, kịp thời trên cơ sở Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước máy, Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999, Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp và Quy định



quản lý hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 22/02/2011;

- Tiếp nhận, quản lý, theo dõi Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch giữa Công ty và khách hàng sử dụng nước sạch; Cập nhật hồ sơ lắp đặt đồng hồ mới vào “Chương trình quản lý hoá đơn” để triển khai công tác ghi thu tiền nước trong tháng đầu tiên; Theo dõi, cập nhật hồ sơ đầu nối của khách hàng;
- Giải quyết kiến nghị, đề nghị của khách hàng;
- Kiểm tra việc ghi chỉ số đồng hồ, cập nhật số liệu ghi chỉ số đồng hồ và phát hành hóa đơn thu tiền nước cho khách hàng;
- Đôn đốc bộ phận ghi thu chỉ số đồng hồ nước ghi, thu và nộp tiền sử dụng nước của khách hàng đúng thời gian quy định;
- Theo dõi công nợ tiền nước, vật tư của khách hàng sử dụng nước sạch, kịp thời phát hiện và lập danh sách khách hàng chậm nộp tiền sử dụng nước để có kế hoạch thu vét hoặc ngừng cung cấp nước theo Hợp đồng và Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Quyết toán tiền nước thu được hàng tháng và làm báo cáo doanh thu, theo dõi việc thanh toán tiền nước khách hàng của Công ty, Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2;
- Lưu trữ, bảo quản hoá đơn tiền nước của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước;
- Thống kê các trường hợp sử dụng nước bất thường chuyển Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước xử lý kịp thời;
- Thông báo ngừng cung cấp nước khi khách hàng vi phạm Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước máy, Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy;
- Kết hợp với Xí nghiệp thoát nước TP-Quy Nhơn trong vấn đề ngừng cấp nước khi khách hàng vi phạm Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Lập các thủ tục xử lý, giải quyết việc khách hàng vi phạm thời hạn thanh toán tiền sử dụng nước theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước máy; lập dự toán vật tư phục vụ cho việc đấu trả lại nước của khách hàng;
- Thông báo đấu trả lại nước khi khách hàng đã khắc phục hành vi vi phạm;
- Tổng hợp các số liệu về hoạt động cung cấp và sử dụng nước sạch phục vụ công tác chống thất thu, thất thoát, công tác quản lý SX-KD toàn Công ty và thực hiện nhiệm vụ công ích của Công ty;
- Lập kế hoạch kiểm định đồng hồ, đặt mua tem kiểm định đồng hồ theo kế hoạch kiểm định đồng hồ của Công ty;



- Phối hợp với Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra tất cả đồng hồ đo nước không còn tính năng đo đếm, không còn độ chính xác cho phép, bị biến dạng và có khả năng gian lận của khách hàng;
- Tiếp nhận hồ sơ, thủ tục kiểm định đồng hồ từ Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước và bàn giao cho Đội Kiểm định-Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị kèm theo biên bản giao nhận;
- Tiếp nhận số liệu báo cáo kiểm tra và đề nghị kiểm định đồng hồ từ Tổ Kiểm tra Quy chế quản lý hệ thống CTN.

Công tác ghi thu chỉ số đồng hồ nước:

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Kiểm tra phát hiện đồng hồ đo nước bị sự cố như: Đứt niêm chì, đứt vành kẹp, nứt, vỡ mặt kính hoặc chạy nhanh do vỡ ống sau đồng hồ,... để khách hàng biết và báo cáo kịp thời cho bộ phận quản lý khách hàng tổ chức kiểm tra và giải quyết;
- Đọc và ghi chỉ số đồng hồ các hộ sử dụng nước (ghi đúng, ghi đủ theo thời gian quy định của Công ty);
- Thu tiền khách hàng sử dụng nước máy đúng theo số tiền ghi trên hoá đơn của bộ phận quản lý khách hàng phát hành, nộp đúng số tiền thu được và đúng thời gian quy định của Công ty;
- Hàng tháng có trách nhiệm đối chiếu công nợ, công tác giao nhận hoá đơn và thực tế thu với bộ phận quản lý khách hàng.

Phòng Quản lý dự án:

Chức năng

- Quản lý các Dự án do Công ty làm Chủ đầu tư, nhận thầu

Nhiệm vụ

- Quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng dân dụng do Công ty nhận thầu theo đúng quy định hiện hành.
- Lập các thủ tục nhận thầu thi công đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng dân dụng do Công ty nhận thầu theo đúng quy định hiện hành.
- Quản lý các Dự án do Công ty làm Chủ đầu tư theo đúng quy định hiện hành;
- Lập dự án cấp nước cho các khu Tái định cư, khu Dân cư, khu Kinh tế, thị trấn huyện lỵ trong Tỉnh theo kế hoạch Công ty giao;
- Lập báo cáo KT-KT hoặc thiết kế-dự toán các công trình cấp nước theo kế hoạch Công ty giao;



- Tổ chức đấu thầu, giao thầu, ký hợp đồng các công trình theo quy định của Nhà nước;
- Thực hiện chức năng của Chủ đầu tư về công việc đền bù thiệt hại do GPMB để thực hiện Dự án theo hướng dẫn Nhà nước về việc đền bù thiệt hại khi thu hồi đất để xây dựng công trình;
- Thực hiện chức năng giám sát của Chủ đầu tư đối với các Dự án do Công ty làm Chủ đầu tư;
- Tổ chức nghiệm thu khối lượng hạng mục công trình hoàn thành để phòng KT-TC Công ty làm thủ tục quyết toán;
- Tổ chức bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng và kiểm tra giải quyết những sự cố xảy ra trong thời gian bảo hành công trình;
- Kiểm tra, lập kế hoạch và thiết kế, dự toán trình thẩm định và phê duyệt để có cơ sở ký hợp đồng thi công sửa chữa, làm mới các công trình theo nhiệm vụ được giao hoặc theo đề nghị của các Phòng nghiệp vụ và các Đội sản xuất.

Phòng Quản lý chất lượng nước:

Chức năng

- Quản lý, kiểm tra chất lượng nước sạch trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Kiểm tra chất lượng nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước thành phố và môi trường được kịp thời, liên tục;
- Cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ công tác quản lý chất lượng nước của Công ty, Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2.

Nhiệm vụ

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Thực hiện Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 22/02/2011;
- Quản lý, kiểm tra và giám sát chất lượng nước tại các giếng bơm, bể chứa, Nhà máy xử lý nước Phú Tài, các Nhà máy xử lý nước tại Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2, trạm bơm Nhơn Hội, Nhơn Phước, Nhơn Hải trên mạng lưới cung cấp và tại các điểm sử dụng nước sinh hoạt khi khách hàng yêu cầu để đề xuất các biện pháp xử lý kịp thời các sự cố xảy ra nhằm đảm bảo chất lượng nước sản xuất đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- Định kỳ kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra mẫu nước tại các giếng bơm, Nhà máy xử lý nước Phú Tài, các Nhà máy xử lý nước tại Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2, trên mạng lưới cung cấp về Công ty và Trung tâm Y tế Dự phòng Tỉnh theo quy định Nhà nước;



- Phối hợp với phòng TCHC-LĐTL kiểm tra vệ sinh an ninh nguồn nước các bãi giếng, các Trạm bơm, bể chứa, Nhà máy XLN Phú Tài, các Nhà máy XLN tại 09 thị trấn;
- Kiểm tra vận hành công tác khử trùng clor tại theo kế hoạch tại Bể điều áp Bà Hỏa, Khu công nghiệp Phú Tài, Nhà máy xử lý nước Phú Tài, khu Nam sông Hà Thanh và các bể chứa trong hệ thống theo đúng quy trình đảm bảo cung cấp nước sạch đáp ứng chất lượng theo Thông tư số 04/2009/TTBYT ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế;
- Phối hợp với Tổ Kiểm tra hệ thống thoát nước thuộc Xí nghiệp thoát nước TP-Quy Nhơn kiểm tra nước thải từ các hộ thoát nước (hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ) xả vào hệ thống thoát nước của thành phố và môi trường phải đảm bảo các quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;
- Liên hệ cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị phục vụ công tác quản lý chất lượng nước của Công ty, Xí nghiệp cấp nước số 1 và số 2.

Phòng Vi tính:

Chức năng

- Tham mưu và giúp Giám đốc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động SX-KD của Công ty;
- Trực tiếp tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SX-KD theo nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ

- Nghiên cứu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch theo phê duyệt của Giám đốc Công ty;
- Thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, sửa chữa và hướng dẫn sử dụng hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin, mạng máy tính nội bộ, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng trong toàn Công ty đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hiệu quả;
- Thực hiện việc thu thập, lưu trữ, xử lý và đảm bảo an toàn số liệu, thông tin phục vụ công tác SX-KD theo sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Công ty;
- Chủ trì thực hiện kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống mạng máy tính nội bộ (mạng LAN) giữa các Phòng nghiệp vụ, Đội sản xuất và Xí nghiệp đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt;
- Có kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng tháng hệ thống mạng máy tính nhằm phát hiện và giải quyết sửa chữa kịp thời những lỗi về phần cứng và phần mềm máy tính;



- Thường xuyên cập nhật và cài đặt vào hệ thống máy tính của Công ty những phiên bản mới diệt virus máy tính;
- Xây dựng, phát triển và đảm bảo hoạt động cho trang thông tin website của Công ty trên mạng Internet;
- Lập kế hoạch trình lãnh đạo Công ty xem xét việc nâng cấp, hoàn thiện lại các phần mềm đang áp dụng tại Công ty mà không làm ảnh hưởng đến cơ sở dữ liệu đã có nếu xét thấy phần mềm đó không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với tổ chức hoạt động và yêu cầu quản lý của Công ty;
- Có kế hoạch liên hệ mua sắm, trang bị thêm hoặc lập dự trù vật tư sửa chữa cho hệ thống mạng máy vi tính Công ty nếu có yêu cầu;
- Tổ chức thực hiện, báo cáo định kỳ, đánh giá tổng kết việc thực hiện các kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động SX-KD của Công ty;
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và các phương tiện, trang thiết bị của Công ty theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

Đội xây dựng, xây lắp hệ thống cấp nước:

Chức năng

- Quản lý Hệ thống đường ống cấp nước từ các Trạm bơm đến hộ sử dụng nước.
- Thi công xây lắp các công trình đường ống cấp nước được Công ty giao.
- Thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng dân dụng do Công ty nhận thầu.

Nhiệm vụ

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty Cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới đường ống cấp nước và công trình trên mạng;
- Thi công xây lắp các công trình hệ thống đường ống cấp nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng dân dụng do Công ty nhận thầu, Công ty giao theo đúng thiết kế, dự toán được duyệt;
- Tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công xây lắp hệ thống cấp nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng dân dụng do Đội thi công theo đúng quy định nhà nước;
- Tổ chức điều hành và thi công các công trình theo quy định của nhà nước.
- Bảo quản và sử dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật, dụng cụ làm việc, thiết bị vật tư do Công ty trang bị phục vụ sản xuất.
- Quản lý và sử dụng hợp lý các loại vật tư trong công tác xây lắp các công trình.



- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Công ty giao.
- Thường xuyên kiểm tra và thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường
- Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn và bảo hộ lao động theo quy định hiện hành.

Đội Vận hành:

Chức năng

- Sản xuất nước sạch đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định;
- Quản lý Trạm bơm, bể chứa nước;
- Thi công lắp đặt công nghệ các trạm bơm.

Nhiệm vụ

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Vận hành, bảo dưỡng máy bơm, trạm bơm, bể chứa, Nhà máy XLN Phú Tài theo đúng quy trình kỹ thuật, theo lịch vận hành được Giám đốc phê duyệt cho từng kỳ (mùa nắng, mùa mưa và các sự cố về điện và máy bơm);
- Theo dõi mực nước tĩnh, động của các giếng bơm và theo dõi chất lượng nước tại các Trạm bơm giếng, Trạm bơm cấp II, Nhà máy XLN Phú Tài;
- Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản tại Trạm bơm;
- Hướng dẫn, đào tạo tay nghề tại chỗ cho công nhân của Đội Vận hành;
- Thực hiện vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn nguồn nước tại Trạm bơm;
- Trồng, chăm sóc cây xanh, cây ăn trái tạo cảnh quang Xanh-Sạch-Đẹp cho các Trạm bơm và Nhà máy XLN Phú Tài;
- Sửa chữa, bảo trì hệ thống điện chiếu sáng và sửa chữa các hư hỏng nhỏ khác của các Trạm bơm.

Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước:

Chức năng

- Quản lý sửa chữa hệ thống đường ống cấp nước từ các Trạm bơm đến hộ sử dụng nước và sửa chữa đường ống cấp nước bị hư hỏng, tắc nghẽn,...;
- Kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999.

**Nhiệm vụ**

Quản lý-sửa chữa hệ thống cấp nước:

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Quản lý hệ thống đường ống cấp nước từ các Trạm bơm đến hộ sử dụng nước; Kiểm tra và giải quyết dòi chuyên các đường ống, kiểm tra các đường ống lắp đặt không đúng quy phạm kỹ thuật, vi phạm Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy;
- Kiểm tra, lập biên bản những tổ chức hoặc cá nhân vi phạm hệ thống đường ống cấp nước do Công ty quản lý và đề xuất biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể;
- Kiểm tra phát hiện và sửa chữa kịp thời những đường ống cấp nước rò rỉ hư hỏng trước đồng hồ đo lưu lượng nước và trước các điểm đầu nối;
- Đề xuất thay thế cải tạo các tuyến ống cũ, thay thế lắp đặt bổ sung và bảo dưỡng định kỳ thiết bị quản lý trên mạng lưới;
- Xả cặn đường ống cấp nước định kỳ hàng tuần, xả cặn đột xuất khi hộ sử dụng nước thông báo và lắp đồng hồ để xác định lượng nước xả cặn;
- Hướng dẫn đào tạo tại chỗ cho công nhân của Đội.

Kiểm tra Quy chế quản lý hệ thống cấp nước:

- Kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;
- Kiểm tra hệ thống cấp nước, phát hiện và đề xuất những biện pháp xử lý sự cố gây ra thất thoát nước nhằm giảm tỉ lệ thất thoát nước;
- Kiểm tra phát hiện, lập biên bản những hộ sử dụng nước sạch không có Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước máy, không có Hợp đồng hoặc thoả thuận đầu nối vào hệ thống thoát nước TP-Quy Nhơn do Công ty quản lý;
- Kiểm tra lập Biên bản khách hàng vi phạm Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước máy, hợp đồng dịch vụ thoát nước và các vi phạm khác về quản lý hệ thống cấp thoát nước, chịu trách nhiệm về việc lập biên bản và đề xuất biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể;
- Thực hiện kiểm tra, lập dự trù sửa chữa, thay thế các đồng hồ đo nước không còn tính năng đo đếm; Yêu cầu kiểm tra cụ thể đối với các trường hợp đồng hồ có dấu hiệu không đảm bảo kỹ thuật bên ngoài (đứt niêm chì, biến dạng) và các trường hợp khác có dấu hiệu gian lận của khách hàng sử dụng nước;
- Thực hiện lệnh ngừng cung cấp nước những hộ có thông báo ngừng cung cấp nước;



- Dự trù vật tư sửa chữa, thay thế những đồng hồ hư hỏng của khách hàng;
- Tháo, lắp các đồng hồ đo nước để phục vụ cho việc kiểm định và báo cáo số liệu cho phòng Kinh doanh;
- Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra định kỳ chương trình kế hoạch đã được Giám đốc Công ty thông báo hàng tháng;
- Kiểm tra đột xuất về mặt nghiệp vụ ghi chỉ số đồng hồ tiêu thụ nước, chu kỳ đọc chỉ số đồng hồ;
- Kiểm tra công tác thu tiền nước, gửi thông báo nộp tiền nước, thời gian thu và nộp tiền nước theo quy định của Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện quy định về việc lắp mới đồng hồ đo nước;
- Kiểm tra công tác thi công, sửa chữa lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước, di dời, thay đổi đồng hồ nước đảm bảo tuân thủ các quy định về tiến độ, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công trình, khối lượng, chất lượng vật tư, thiết bị theo bản thiết kế dự toán đã được duyệt để đảm bảo quyền lợi chính đáng của khách hàng;
- Phối hợp cùng phòng TCHC-LĐTL kiểm tra thực hiện Nội quy lao động, việc chấp hành các Quy chế của CBCNV Công ty.

Dò tìm rò rỉ trên mạng hệ thống đường ống cấp nước:

- Thực hiện dò tìm rò rỉ trên các tuyến ống phân phối, từ điểm đầu nối đến đồng hồ, đồng thời tăng cường kiểm tra tại điểm giao cắt với công thoát nước, qua đường giao thông và mở rộng dò tìm trên tuyến ống cấp II;
- Đề ra các biện pháp hợp lý để khắc phục nhanh nhất, hiệu quả nhất những điểm rò rỉ được phát hiện ngay ngày hôm sau (thay thế, sửa chữa ống và thiết bị hoặc hủy bỏ).

Đội Kiểm định-Bảo dưỡng, Sửa chữa máy móc, thiết bị:

Chức năng

- Kiểm định các loại đồng hồ đo nước lạnh;
- Tháo lắp, thay thế vật tư và hiệu chỉnh đồng hồ đo nước lạnh;
- Bảo dưỡng, sửa chữa các loại thiết bị Trạm bơm và thổi rửa, bảo dưỡng giếng nước ngầm.

Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ cụ thể của Đội được phân định như sau:

Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị:

- Thực hiện Quy chế quản lý hệ thống sản xuất, cung cấp và sử dụng nước máy của Công ty cấp thoát nước Bình Định được UBND Tỉnh phê duyệt ngày 10/7/1999;



- Bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa các hư hỏng đột xuất các loại máy móc thiết bị sau:

+ Các máy bơm trục ngang tại khu Tăng áp và Nhà máy XLN Phú Tài;

+ Các máy bơm chìm tại các giếng bơm; Máy nén khí phục vụ cho công tác súc xả đường ống và thổi rửa các giếng bơm.

- Kiểm tra, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện của các Trạm bơm giếng và khu Tăng áp bao gồm: các tủ điện, đường dây và các trụ điện (sau Trạm biến áp);

- Sửa chữa, bảo dưỡng các loại công cụ, máy công cụ phục vụ việc sửa chữa và thổi rửa các giếng bơm;

- Bảo quản các loại công cụ, dụng cụ và các loại vật tư được giao;

- Gia công cơ khí các phụ kiện, vật tư đơn giản (không có bán trên thị trường hoặc do yêu cầu cấp bách) phục vụ cho công tác sửa chữa và thổi rửa các giếng bơm.

Kiểm định đồng hồ nước:

Kiểm định đồng hồ:

- Chấp hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh đo lường ngày 06/10/1999;

- Thực hiện đúng Quy trình kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo văn bản Kỹ thuật đo lường Việt Nam ĐLVN 17:2009;

- Tiếp nhận và bảo quản vật tư, thiết bị, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm và tem kiểm định đồng hồ phục vụ cho công tác kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

- Đề xuất các biện pháp cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng công việc;

- Tiếp nhận đồng hồ và biên bản tháo lắp đồng hồ từ Đội Kiểm tra-Quản lý-Sửa chữa hệ thống cấp nước và giao trả đồng hồ đã kiểm định cho phòng Kinh doanh;

- Theo dõi cập nhật số liệu kiểm định vào sổ kiểm định trên máy vi tính; Sổ kiểm định phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên, địa chỉ và số thứ tự khách hàng; Số lượng, chủng loại, tình trạng của những đồng hồ đưa vào kiểm định; Chế độ kiểm định (ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa); Thời gian tiếp nhận đồng hồ, chuyển trả đồng hồ và kết quả kiểm định;

- Theo dõi việc tiếp nhận và chuyển trả đồng hồ đo nước lạnh;

- Lưu giữ thông tin về việc kiểm định đồng hồ cho khách hàng theo thời gian hiệu lực kiểm định;

- Vận hành hệ thống kiểm định đúng quy trình;

- Lập phiếu chuyển trả đồng hồ và kết quả kiểm định cho phòng Kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định;



- Hàng tháng phải làm báo cáo kiểm định theo nội dung sau: Số lượng đồng hồ tiếp nhận; Số lượng đồng hồ chuyển trả (ghi rõ số lượng đồng hồ kiểm định đạt và không đạt); Tỷ lệ % giữa đồng hồ chuyển trả/đồng hồ tiếp nhận để có kế hoạch điều chỉnh hợp lý; Số lượng tem hỏng, mất và huỷ; Yêu cầu, kiến nghị.

Tháo lắp, thay thế vật tư và hiệu chỉnh đồng hồ:

- Tiếp nhận đồng hồ từ phòng Kinh doanh để kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa kèm theo Biên bản giao nhận;

- Tổng hợp số lượng đồng hồ cần hiệu chỉnh, đồng hồ cần sửa chữa, thay thế vật tư đồng thời dự trù vật tư thay thế;

- Lập biên bản các đồng hồ hỏng hoàn toàn, không thể sửa chữa thay thế để làm thủ tục nhập kho;

- Sửa chữa, thay thế vật tư, làm mới và hiệu chỉnh đồng hồ đảm bảo kỹ thuật, thẩm mỹ;

- Tất cả các đồng hồ sau khi đã hiệu chỉnh và kiểm định đạt phải được dán tem và niêm chì trước khi đưa vào sử dụng;

- Hàng tháng làm báo cáo về việc tháo lắp, sửa chữa đồng hồ theo nội dung sau: Số lượng đồng hồ tiếp nhận; Số lượng đồng hồ sửa chữa, hiệu chỉnh được; Số lượng đồng hồ không sửa chữa được; Số lượng vật tư đưa vào sử dụng; Số lượng vật tư chưa dùng; Số lượng vật tư hỏng nếu có.

Quy định về đặt hàng, bàn giao, tiếp nhận và sử dụng tem kiểm định:

- Việc bàn giao và tiếp nhận tem phải được lập thành biên bản có xác nhận của lãnh đạo Công ty;

- Tem kiểm định phải được bảo quản và sử dụng một cách cẩn thận, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp hỏng, mất tem (tem ghi sai được xem là tem hỏng);

- Mỗi một đồng hồ sau khi kiểm định chỉ được sử dụng một con tem. Trường hợp hỏng tem trong khi sử dụng cho việc kiểm định thì phải sử dụng con tem khác và việc này phải được ghi chép cụ thể để làm báo cáo công tác kiểm định vào cuối tháng;

- Đối với việc mất và huỷ tem phải được lập thành biên bản, trong biên bản phải làm rõ các vấn đề sau: Thời gian, nguyên nhân của việc mất và huỷ tem; Số lượng, số tem huỷ, mất; cá nhân, tổ chức làm mất hoặc huỷ tem;

- Biên bản về việc mất và huỷ tem phải được Giám đốc Công ty xác nhận.

Xí nghiệp Cấp nước số 1:

- Xí nghiệp cấp nước số 1 là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý, sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn các Thị trấn và vùng phụ cận; Thiết kế các công trình cấp nước; Thi công xây lắp và sửa chữa các công trình cấp nước.



- Xí nghiệp cấp nước số 1 có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
- Xí nghiệp cấp nước số 1 bao gồm: Nhà máy cấp nước thị trấn Tuy Phước, Nhà máy cấp nước thị trấn Bình Định, Nhà máy cấp nước thị trấn Đập Đá, Nhà máy cấp nước Thị trấn Gò Găng và Trạm bơm tăng áp cấp nước thị trấn Ngô Mây. Văn phòng làm việc đặt tại Nhà máy cấp nước thị trấn Đập Đá. Địa chỉ: Thôn Bằng Châu, thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Tiếp nhận, bàn giao các hệ thống cấp nước đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.
- Quản lý và vận hành các công trình cấp nước theo các quy định, hướng dẫn của Nhà nước và nội dung Hợp đồng nội bộ vận hành ký giữa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định và Xí nghiệp;
- Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước theo Thông tư số 04/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ y tế; đảm bảo áp lực và lưu lượng theo quy định của Nhà nước;
- Lập hoá đơn và thu tiền nước từ khách hàng sử dụng nước theo chỉ số đồng hồ mà khách hàng sử dụng và giá nước theo quyết định của UBND tỉnh;
- Thực hiện chế độ kế toán hạch toán phụ thuộc.
- Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định;
- Lập báo cáo quyết toán Doanh thu hàng quý, 6 tháng và cả năm cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định;
- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán lắp đặt đồng hồ cấp nước; ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch với khách hàng.
- Thiết kế các công trình cấp nước; Thi công, sửa chữa các hư hỏng theo Hợp đồng quản lý vận hành đã ký; Thi công các công trình cấp nước mới.
- Giải quyết mọi khiếu nại của khách hàng liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.

Xí nghiệp Cấp nước số 2:

- Xí nghiệp cấp nước số 2 là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý, sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn các Thị trấn và vùng phụ cận; Thiết kế các công trình cấp nước; Thi công xây lắp và sửa chữa các công trình cấp nước.
- Xí nghiệp cấp nước số 2 có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
- Xí nghiệp cấp nước số 2 bao gồm: Nhà máy cấp nước thị trấn Bình Dương, Nhà máy cấp nước thị trấn Bồng Sơn, Nhà máy cấp nước thị trấn Tăng Bạt Hổ và



Trạm bơm tăng áp thị trấn Tam Quan. Văn phòng làm việc đặt tại Nhà máy cấp nước thị trấn Bồng Sơn. Địa chỉ: khối Trung Lương, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nhiệm vụ và quyền hạn

- Tiếp nhận, bàn giao các hệ thống cấp nước đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.
- Quản lý và vận hành các công trình cấp nước theo các quy định, hướng dẫn của Nhà nước và nội dung Hợp đồng nội bộ vận hành ký giữa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định và Xí nghiệp;
- Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng nước theo Thông tư số 04/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ y tế; đảm bảo áp lực và lưu lượng theo quy định của Nhà nước;
- Lập hoá đơn và thu tiền nước từ khách hàng sử dụng nước theo chỉ số đồng hồ mà khách hàng sử dụng và giá nước theo quyết định của UBND tỉnh;
- Thực hiện chế độ kế toán hạch toán phụ thuộc.
- Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định;
- Lập báo cáo quyết toán Doanh thu hàng quý, 6 tháng và cả năm cho Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định;
- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán lắp đặt đồng hồ cấp nước; ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sạch với khách hàng.
- Thiết kế các công trình cấp nước; Thi công, sửa chữa các hư hỏng theo Hợp đồng quản lý vận hành đã ký; Thi công các công trình cấp nước mới.
- Giải quyết mọi khiếu nại của khách hàng liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.

Xí nghiệp thoát nước Quy Nhơn:

- Xí nghiệp thoát nước thành phố Quy Nhơn là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thực hiện chức năng quản lý, duy trì hệ thống thoát nước bao gồm: hệ thống công thoát nước mưa, nước thải, hố ga, hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải trong thành phố Quy nhơn; Thi công xây lắp các công trình cấp thoát nước do Công ty giao;
- Xí nghiệp thoát nước thành phố Quy Nhơn có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của Pháp luật;
- Xí nghiệp thoát nước thành phố Quy Nhơn có Văn phòng làm việc đặt tại: 146 đường Lý Thái Tổ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Quản lý hệ thống thoát nước mưa, nước thải bao gồm quản lý các điểm đầu nổi, các tuyến cống thu gom, truyền dẫn.

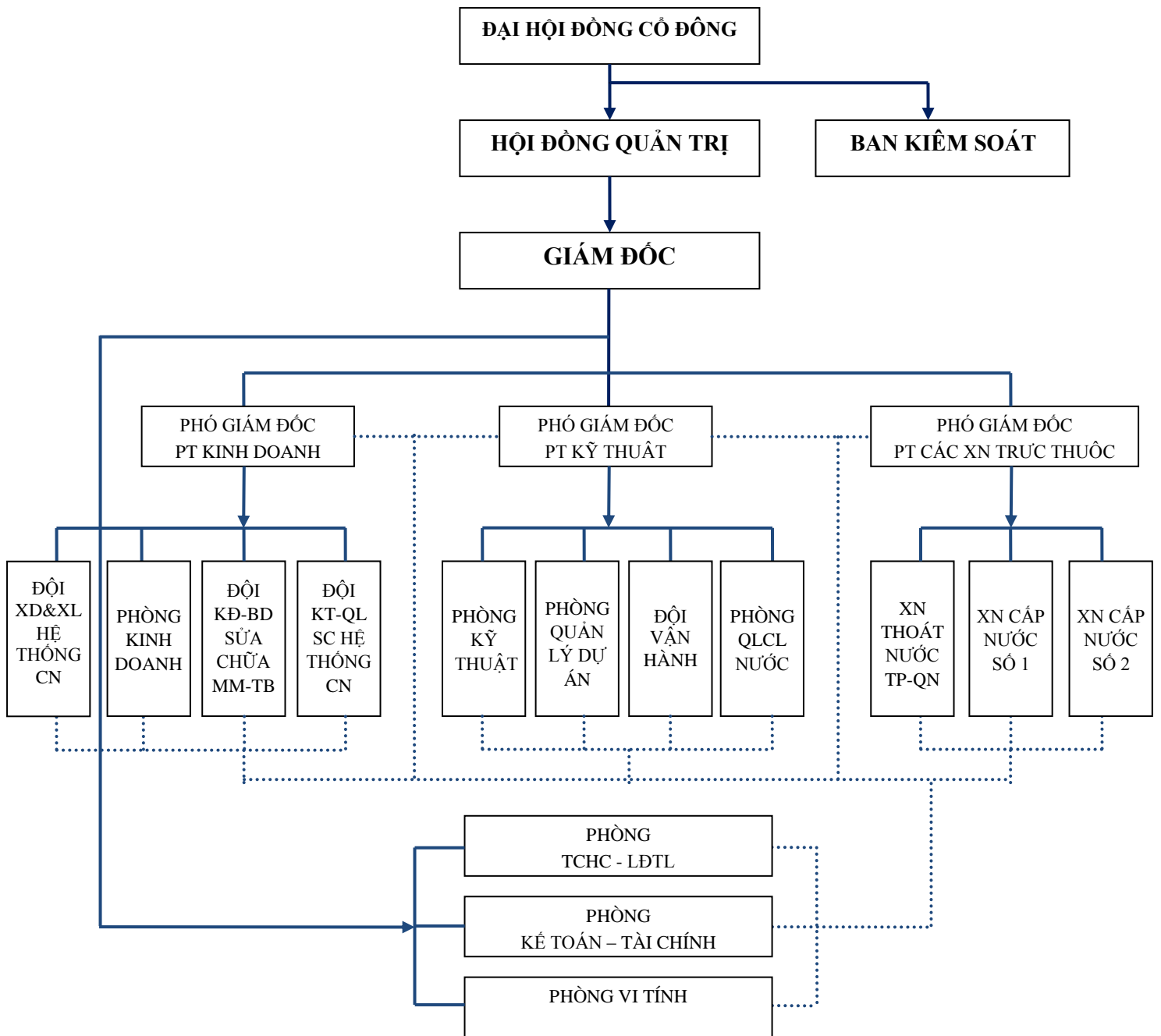


- Thực hiện công tác nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, đảm bảo dòng chảy theo thiết kế;
 - Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo quản cống và công trình trên mạng lưới. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước;
 - Tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước, công tác duy trì hệ thống thoát nước đó hoàn thành để phòng Tài chính - Kế toán làm thủ tục thanh quyết toán;
 - Quản lý trạm bơm thoát nước thải;
 - Nắm bắt các nguyên lý hoạt động của các trạm bơm;
- Quản lý, bảo vệ các thiết bị được lắp đặt tại các trạm bơm nước thải, các cửa xả;
- Thực hiện công tác vận hành các trạm bơm nước thải nhằm chuyển tải toàn bộ nước thải thu gom được từ các tuyến cống bao, bơm đẩy về nhà máy xử lý nước thải;
 - Định kỳ có kế hoạch kiểm tra các cửa phai chắn INOX; thực hiện vệ sinh các song chắn rác 3 tháng/lần.
 - Lập Sổ tay hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng các trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải và thực hiện theo đúng quy định.
 - Kiểm tra, phát hiện, lập biên bản những cơ quan, tổ chức, hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước không có Hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước hoặc thoả thuận đầu nối vào hệ thống thoát nước TP-Quy Nhơn do Công ty quản lý;
 - Báo cáo Lãnh đạo Công ty thực hiện việc ngừng cung cấp nước sạch đối với những cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có thông báo vi phạm về công tác quản lý hệ thống thoát nước;
 - Kiểm tra việc thực hiện quy định về việc đầu nối nước thải của khách hàng vào hệ thống tuyến cống thoát nước chung;
 - Kiểm tra công tác thi công, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, sửa chữa hệ thống đường ống thoát nước đảm bảo tuân thủ các quy định về tiến độ, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công trình, khối lượng, chất lượng vật tư, thiết bị theo bảng thiết kế dự toán đó được duyệt để đảm bảo quyền lợi chính đáng của khách hàng;
 - Dự trữ vật tư sửa chữa, thay thế các sự cố hư hỏng trên hệ thống thoát nước;
 - Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra định kỳ chương trình kế hoạch đó được Giám đốc Công ty thông báo hàng tháng;
 - Tổ chức thực hiện các Quyết định của Công ty; chịu sự thanh tra, kiểm tra của Công ty và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ công ích của Xí nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật;






- Phối hợp cùng phòng TCHC-LĐTL kiểm tra thực hiện Nội quy lao động, việc chấp hành các Quy chế của CBCNV;
- Phối hợp với phòng Kỹ thuật: Lập dự trù và điều chế các chế phẩm xử lý mùi hôi tại các hồ ga, mương, hồ điều hoà;
- Khảo sát, thiết kế lập dự toán công trình thoát nước và thi công xây lắp các công trình hệ thống đường ống cấp, thoát nước do Công ty giao theo đúng thiết kế, dự toán được duyệt;
- Liên hệ tư vấn giám sát và chủ đầu tư nghiệm thu khối lượng thi công công tác vận hành, duy trì, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước hoàn thành để thanh quyết toán;
- Thực hiện công tác sửa chữa hệ thống đường ống thoát nước; công tác hút bể phốt hầm cầu theo hợp đồng được ký giữa Xí nghiệp với khách hàng;
- Lập hoá đơn và thu tiền dịch vụ thoát nước từ khách hàng hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định của UBND Tỉnh; Thu tiền theo hợp đồng hút bể phốt hầm cầu được ký kết giữa Xí nghiệp với khách hàng;
- Lập báo cáo hàng tháng, quý, năm về tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh của Xí nghiệp;
- Lập báo cáo quyết toán doanh thu tiền dịch vụ thoát nước cho Công ty;
- Thực hiện chế độ kế toán hạch toán phụ thuộc;
- Ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước với khách hàng;
- Giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc hợp đồng dịch vụ thoát nước với khách hàng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao hoặc uỷ quyền.

1.5. .Cơ cấu tổ chức công ty sau cổ phần



Chú thích:

-  Chỉ đạo trực tiếp
-  Quan hệ trao đổi
-  Kiểm soát

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá

2.1. Mục tiêu

Xây dựng công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2.2. Các chỉ tiêu chính

Trong điều kiện Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định điều chỉnh tăng giá nước sạch năm 2015 theo phương án tăng 20% so với 2014 (trợ giá năm 2015 từ ngân sách nhà nước 2,4 tỉ đồng) và năm 2016, 2017 điều chỉnh năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề 6,5%. Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần dự kiến như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	124.108	124.108	124.108
	Trong đó vốn Nhà nước		79.429	79.429	79.429
2	Tổng số lao động	Người	445	472	496
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	25.498	27.754	30.215
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng/ người/tháng	4,77	4,90	5,08
5	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	111.598	121.706	132.841
5.1	<i>Doanh thu SX - KD nước sạch</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>102.548</i>	<i>111.646</i>	<i>121.771</i>
5.2	<i>Doanh thu hoạt động công ích thoát nước đô thị</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>8.000</i>	<i>8.500</i>	<i>9.000</i>
5.3	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>1.000</i>	<i>1.500</i>	<i>2.000</i>
5.4	<i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>50</i>	<i>60</i>	<i>70</i>
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.683	5.947	6.995
6.1	<i>Hoạt động SX - KD nước sạch (5%/giá thành toàn bộ)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>4.230</i>	<i>5.444</i>	<i>6.441</i>
6.2	<i>Hoạt động công ích thoát nước đô thị (5%/doanh thu)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>400</i>	<i>425</i>	<i>450</i>
6.3	<i>Hoạt động xây lắp (5%/doanh thu)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>50</i>	<i>75</i>	<i>100</i>
6.4	<i>Hoạt động nhượng bán vật tư (5%/doanh thu)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.653	4.639	5.456
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.653	4.639	5.456
8.1	<i>Quỹ đầu tư phát triển (5%)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>183</i>	<i>232</i>	<i>273</i>
8.2	<i>Quỹ dự trữ (5%)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>183</i>	<i>232</i>	<i>273</i>
8.3	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (40%)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>1.461</i>	<i>1.855</i>	<i>2.182</i>



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
8.4	Quy chia cổ tức (50%)	Tr.đồng	1.826	2.320	2.728
9	Tỉ suất lợi sau thuế /vốn điều lệ (%)	%	2,94	3,74	4,40
10	Tỷ lệ cổ tức chi trả (%)	%	1,47	1,87	2,20

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

2.3. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

* Về tổ chức bộ máy

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban điều hành. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hóa, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Thực hiện sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và tuyển dụng mới cũng được Ban Lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí, sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

* Về sản xuất-kinh doanh

Để đạt được những mục tiêu và thực hiện được chiến lược nêu trên, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

Biện pháp quản lý sản xuất



- Quản lý vận hành tổ các Nhà máy XLN, duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

Biện pháp phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước

- Đầu tư mở rộng mạng cấp nước về các khu dân cư chưa có hệ thống cấp nước.
- Thực hiện tốt các dịch vụ, chăm sóc khách hàng; Tính toán giá nước hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng tiêu thụ.
- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn ghi, tồn thu xuống mức thấp nhất.

Biện pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước

Công ty sẽ tích cực thực hiện công tác chống thất thoát nước bằng các biện pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.
- Hằng năm, xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước.
- Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc chống thất thoát nước.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác

- Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư.
- Đảm bảo giá thành vật tư phù hợp với chủng loại và chất lượng sản phẩm.
- Chống lãng phí về thời gian lao động: định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng nghiệp vụ, Đội SX, Xí nghiệp trực thuộc để giảm chi phí và tăng thu nhập.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc.
- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư, xây dựng đối với các công trình do Công ty đầu tư.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 124.108.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi bốn tỷ một trăm lẻ tám triệu đồng chẵn*).



Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần như sau :

TT	Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	7.942.912	79.429.120.000	64
2	CBCNV mua ưu đãi	664.400	6.644.000.000	5,35
3	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	3.803.488	38.034.880.000	30,65
	Tổng cộng	12.410.800	124.108.000.000	100

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ cổ phần Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định do người nước ngoài nắm giữ được thực hiện theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, các tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 3.803.488 cổ phần. Trong trường hợp toàn bộ 3.803.488 cổ phần được nhà đầu tư nước ngoài đấu giá thành công và mua hết thì tổng số cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu là 3.803.488 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 30,65% vốn điều lệ. Tỷ lệ này vẫn đảm bảo quy định của Nhà nước về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.

3.2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Trong 3 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2015-2017), Công ty duy trì mức vốn điều lệ là 124,108 tỷ đồng.

4. Rủi ro dự kiến

4.1. Rủi ro kinh tế

Việt Nam là nước đang phát triển , có tốc độ đô thị hóa tương đối cao . Sau giai đoạn tăng trưởng khá (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,6% trong giai đoạn 2000-2010), GDP đang có xu hướng giảm dần , trong giai đoạn 2011 – 2013 chỉ đạt 5,6%. Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức : xử lý nợ xấu hệ thống ngân hàng , cải thiện hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công do hệ số ICOR thấp ,...Tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua các yếu tố: chi phí nguyên vật liệu đầu vào đa phần có xu hướng tăng, lãi vay còn ở mức tương đối cao,...



Đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, hoạt động sản xuất kinh doanh ít bị ảnh hưởng bởi rủi ro kinh tế nhờ nước sạch là sản phẩm thuộc dạng thiết yếu của người dân; hoạt động thoát nước là sản phẩm mang tính công ích, phục vụ xã hội.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật doanh nghiệp, Luật vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật chứng khoán,...

Là quốc gia thuộc nền kinh tế mới nổi, Việt Nam đã và đang hoàn thiện hệ thống luật và các văn bản dưới luật để đảm bảo hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng được thuận lợi hơn và ít rủi ro hơn. Tuy vậy, hiện tại Công ty vẫn đang đối mặt với rủi ro từ hệ thống luật thiếu nhất quán, tính khả thi chưa cao. Để giảm thiểu tác động rủi ro này đến hoạt động kinh doanh, Công ty đã và đang cập nhật văn bản luật, nâng cao tính tuân thủ để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty vừa hiệu quả vừa tuân theo quy định của pháp luật.

4.3. Rủi ro đặc thù

4.3.1 Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các giếng bơm nước ngầm thuộc hệ thống giếng Điều Trì, Tân An và khu vực tại Xí nghiệp Cấp nước số 1 và số 2. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước cũng ảnh hưởng đến quá trình cung cấp nước sạch của Công ty.

Hoạt động sản xuất nông, công nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Đặc biệt, hoạt động khai thác cát trên sông Hà Thanh gây nguy cơ cao về ô nhiễm nguồn nước.

4.3.2 Rủi ro thất thoát nước

Tỷ lệ thất thoát thất thu của hệ thống cấp nước Công ty hiện tại là: 20,90%.

- Nước thất thoát được phân theo 02 loại:

+ Thất thoát vô hình: Rò rỉ trong mạng đường ống nước theo mỗi nối.

+ Thất thoát hữu hình: Do bể vỡ đường ống nước; dùng cho công tác súc xả đường ống, thổi rửa giếng: có thể khắc phục được.

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò



ri. Nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

- Nước thất thu:

- + Khách hàng không thanh toán tiền sử dụng nước sạch;
- + Chảy rỉ, chậm thanh toán tiền sử dụng nước sạch;
- + Đồng hồ đo lưu lượng nước đứng;
- + Đồng hồ đo lưu lượng nước sai số;
- + Mở van đồng hồ đo lưu lượng nước nhỏ;
- + Gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ;
- + Sử dụng sai mục đích.

4.4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này là đợt chào bán lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định để cổ phần hóa. Tổng giá trị bán đấu giá là 38.034.880.000 đồng (tính theo mệnh giá). Do không ký kết hợp đồng bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

“Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh”.



Như vậy, trong trường hợp đợt chào bán lần này không thành công thì vốn điều lệ sẽ bị điều chỉnh. Từ đó, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của công ty trong tương lai.

4.5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro do sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

**PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN****1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần**

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, đối tượng chào bán và phương thức bán được tóm tắt như bảng sau:

STT	Đối tượng chào bán	Giá bán	Số lượng bán (cp)	%/VĐL
1	Người lao động		664.400	5,35%
1.1	<i>Theo tiêu chuẩn thâm niên</i>	<i>bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai</i>	356.300	2,87%
1.2	<i>Theo đăng ký cam kết làm việc</i>	<i>bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai</i>	308.100	2,48%
2	Nhà đầu tư chiến lược	Theo quy định về mức giá bán cho NĐT chiến lược	0	0,00%
3	Nhà đầu tư tham dự đấu giá	Giá khởi điểm đấu giá : 10.000 đồng/cp	3.803.488	30,65%
	Tổng cộng		4.467.888	36,00%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định

1.1. Đối với người lao động:**a. Số lượng và giá bán:**

- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 30/09/2014 (thời điểm UBND tỉnh Bình Định công bố giá trị doanh nghiệp Công ty để cổ phần hóa) là: 425 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực



Nhà nước: 353 người.

- Tổng số năm công tác toàn bộ CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 3.563 năm.
 - Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo hình thức này là: 356.300 cổ phần với tổng mệnh giá là: 3.563.000.000 đồng chiếm 2,87 % vốn điều lệ công ty cổ phần.
 - Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
 - Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
 - Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- **Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần**

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *“Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”*.

Công ty có 172 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là: 308.100 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là: 3.081.000.000 đồng, chiếm 2,48% vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

b. Phương thức thanh toán:

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.
- Thời điểm đăng ký mua dự kiến: Trong tháng 12/2014
- Thông tin tài khoản phong tỏa:

Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC

**BÌNH ĐỊNH**

Số tài khoản: 10201000208261-1

Tại: Ngân hàng: Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Bình Định

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký mua.

1.2. Đối với nhà đầu tư chiến lược: không có**1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:****a. Số lượng và giá bán:**

- Số lượng bán cho nhà đầu tư tham gia đấu giá là 3.803.488 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 30,65% vốn điều lệ.
- Giá bán khởi điểm: 10.000 đồng.
- Đối tượng: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ- CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ*).

b. Phương thức thanh toán:

- Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

Số tiền thu được từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước sau khi trừ chi phí chuyển đổi, chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư được nộp về cho nhà nước theo quy định.

Kế hoạch thu, chi từ công tác cổ phần hóa công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I	Tổng thu tiền bán cổ phần	43.253.680.000
1	CBCNV mua ưu đãi	5.218.800.000
1.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực NN (3.563.000.000 x 60%)	2.137.800.000
1.2.	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	3.081.000.000
2	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	38.034.880.000
II	Tổng chi phí cổ phần hóa	500.000.000
III	Số tiền còn lại (I) – (II)	42.753.680.000

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định



3. Kết luận

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được kiểm toán (hoặc soát xét) do Công ty cung cấp và được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá.

Trân trọng./.



Quy Nhơn, ngày 28 tháng 11 năm 2014

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA




Trần Thanh Dũng

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
CHỦ TỊCH - GIÁM ĐỐC




Trần Thanh Dũng